Luật pháp Quốc tế về biển đảo (Công ước luật biển)

Biển và đại dương chiếm 71% bề mặt trái đất. Trong nước biển và trong lòng đất dưới đáy biển có rất nhiều tài nguyên sinh vật và khóang sản. Hiện nay, sản lượng đánh bắt cá biển của thế giới lên đến trên 100 triệu tấn/năm. Trong thập niên 1990, thềm lục địa cung cấp 30% sản lượng dầu khí thế giới. Các quặng đa kim (nodules polymétalliques) gòm đồng, man-gan, sắt, cô-ban …với trữ lượng khoảng 60.000 tấn/ km2 được tìm thấy tại nhiều nơi dưới đáy Thái Bình Dương.

Trước kia, mọi hoạt động trên biển đều do các cường quốc hàng hải phương Tây khống chế trong nhiều thế kỷ. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, với sự ra đời của hàng loạt quốc gia Á, Phi, Mỹ la tinh độc lập, có chủ quyền, và với sự phát triển vượt bậc của khoa học kỷ thuật, xuất hiện nhu cầu cấp bách cần xây dựng một bộ luật biển hiện đại, phù hợp tình hình mới.

Nhằm mục đích đó, Liên hợp quốc đã tổ chức ba hội nghị chuyên đề để pháp điển hóa luật biển. Hội nghị Liên hợp quốc về luật biển lần thứ III, họp từ năm 1973 đến năm 1982, với sự tham dự của tất cả các nước thành viên Liên hợp quốc.

Việt Nam không được tham dự Hội nghị này ngay từ đầu vì lúc đó nước ta chưa phải là thành viên Liên hợp quốc. Chỉ sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng , thống nhất Tổ quốc, và sau khi Mỹ không còn dùng *quyền phủ quyết* để ngăn cản Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc, Chính phủ nước ta mới có thể cử Đoàn đại biểu tham dự Hội nghị đó từ Khóa họp lần 6 (tháng 5/1977) trở đi nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi chính đáng của Việt Nam về vấn đề biển, đảo và góp phần vào thành công của Hội nghị.

Qua 9 năm thương lượng gay go trong 11 khóa họp, mỗi khóa kéo dài gần hai tháng, Hội nghị thông qua một Công ước đồ sộ về Luật biển, chính thức ký kết từ ngày 7/12/1982 tại Montego Bay (Jamaica). Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (Công ước Luật Biển) gòm 17 Phần với 320 Điều khoản, 9 Phụ lục và 4 Nghị quyết kèm theo. Đây là một văn kiện tổng hợp toàn diện, bao quát tất cả các vấn đề quan trọng nhất về chế độ pháp lý quốc tế của biển, đảo và đại dương, quy định những quyền và nghĩa vụ của mọi loại nước đối với các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia (*nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa, các đảo…)* cũng như những vùng biển thuộc phạm vi quốc tế (*biển cả, vùng đáy đại dương).*

Việt Nam có bờ biển dài 3260 cây số, có 2779 đảo lớn nhỏ hợp thành một hệ thống với tổng diện tích 1.636 km2, trong số đó 82 đảo có diện tích hơn 1km2, 23 đảo có diện tích hơn 10km2, 3 đảo có diện tích hơn 100km2, (đảo Phú Quốc/ 567 km2 ở tỉnh Kiên Giang , đảo Cái Bầu/ 200 km2 ở tỉnh Quảng Ninh, đảo Cát Bà/ 149 km2 ở TP Hải Phòng) và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa. Nước ta có đầy đủ cơ sở pháp lý quốc tế và thực tiễn lịch sử để chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo đó là không thể tranh cải. Tuy nhiên, một số nước và vùng lãnh thổ đang tranh chấp một phần (Malaysia, Brunei, Philippines, Đài Loan) hoặc toàn bộ (Trung

Quốc) hai quần đảo của ta, làm cho tình hình biển Đông tiềm ẩn nguy cơ bùng nổ, đe dọa hóa bình và an ninh khu vực và thế giới.

Nước ta trước sau như một, chủ trương thương lượng hòa bình giữa các bên liên quan, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, để giải quyết mọi bất đồng và tranh chấp về biên giới, biển, đảo, phù hợp những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố năm 2002 về cách ứng xử giữa các quốc gia Đông Nam Á (DOC). Về vấn đề này, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng nêu rõ nhiệm vụ đối ngoại hiện nay của nước ta là : "*Thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển và thềm lục địa với các nước liên quan trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực…xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển."*

Dưới đây là một số quy định chủ yếu của Công ước Luật Biển.

I.- CÁC VÙNG BIỂN THUỘC THẨM QUYỀN QUỐC GIA.

1. NỘI THUỶ.

Là vùng nước nằm phía bên trong của *đường cơ sở* dùng để tính chiều rộng *lãnh hải*chạy dọc theo bờ biển. Tại đó quốc gia ven biển thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền.

Nội thủy bao gòm: những vùng nước các cảng biển, các vũng tàu, cửa sông, các vịnh, các vùng nước nằm giữa đất liền và đường cơ sở, vùng biển nằm ở phía trong đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của các đảo.

Nước ta có hai **vùng nước lịch sử.**

Đó là:

1) Phần vịnh phía Việt Nam trong Vịnh Bắc Bộ.

2) Vùng nước thuộc phần của Việt Nam trong vùng nước lịch sử chung của hai nước Việt Nam và Campuchia.

2. LÃNH HẢI.

Là vùng biển nằm giữa nội thủy và các vùng biển khác thuộc quyền tài phán quốc gia (*Vùng tiếp giáp, Vùng đặc quyền về kinh tế)*.

Các đảo nằm ngoài phạm vi lãnh hải chung, nhưng "thích hợp cho con người đến ở hoặc cho đời sống kinh tế riêng" (Điều 121), cũng có lãnh hải riêng .

Luật biển coi lãnh hải như một "lãnh thổ chìm". Tại đây, nước ven biển thực hiện chủ quyền cả về lập pháp, hành pháp và xét xử.

Chiều rộng lãnh hải không quá 12 hải lý (1 hải lý bằng 1.852 mét) tính từ đường cơ sở (trước kia chỉ rộng 3 hải lý). Ranh giới ngoài của lãnh hải được coi là *đường biên giới quốc gia trên biển*. Đường biên giới này không được đánh dấu bằng

cột mốc quốc giới. Nó được công bố bằng các bản kê tọa độ địa lý trong các hiệp định phân định lãnh hải, và được thể hiện trên các hải đồ, được công bố và gửi đến Liên hợp quốc để lưu chiểu.

3. ĐƯỜNG CƠ SỞ để tính chiều rộng lãnh hải.

1) Đường cơ sở thông thường là "ngấn nước triều thấp nhất dọc theo bờ biển" (Điều 5). Phương pháp này rất khó áp dụng đối với các bờ biển khúc khuỷu, phức tạp, bị khoét sâu và lồi lõm.

2) Đường cơ sở thẳng chạy dọc theo bờ biển , nơi có ngấn nước thủy triều thấp nhất. Được áp dụng ở những nơi bờ biển lồi lõm hoặc có một chuỗi đảo dọc theo bờ biển. Điểm gần bờ nhất của mỗi đảo không quá 24 hải lý Chiều dài của mỗi đoạn thẳng không quá 60 hải lý.

CHẾ ĐỘ CÁC ĐẢO.

Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thuỷ triều lên vùng nước này vẫn ở trên mặt nước. Định nghĩa này loại bỏ những bải cạn, nửa chìm, nửa nổi: chúng không được coi như "đảo" theo định nghĩa của Công ước Luật Biển. Đảo có *lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa* riêng.

Những đảo đá nào không thích hợp cho con người đến ở hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì không có *vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa* (Điếu 121.3) Điều này mập mờ và có thể gây tranh cải.

ĐƯỜNG CƠ SỞ của các **quốc gia quần đảo.**

"Quốc gia quần đảo" là một nước hoàn toàn được cấu thành bởi một hay nhiều quần đảo và đảo (như Indonesia, Philippines).

Có thể vạch đường cơ sở thẳng nối liền các đảo xa nhất và các bải đá lúc chìm lúc nổi(có đèn biển hay thiết bị nổi trên mặt nước) tạo thành một khu vực mà tỷ lệ diện tích nước so với đất không quá 9/1. Vùng nước phía trong đường cơ sở quần đảo được gọi là *vùng nước quần đảo* thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia quần đảo.

ĐƯỜNG CƠ SỞ VIỆT NAM .

Được vạch theo Tuyên bố Chính phủ ngày 12/11/1982 (trước khi Công ước Luật Biển có hiệu lực) gồm 10 đoạn thẳng nối liền 11 điểm có tọa độ cụ thể. Hầu hết đều nằm trên các đảo. Chỉ có một điểm nằm trên *mũi Đại Lãnh* (tỉnh Phú Yên). Còn 2 điểm sẽ xác định sau. Đó là:

- Cửa Vịnh Bắc Bộ: là giao điểm đường cửa Vịnh và đường phân định biển trong Vịnh Bắc Bộ (đã giải quyết giữa ta và Trung Quốc trong Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ).

- Điểm tiếp giáp giữa hai đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của Việt Nam và Campuchia, là giao điểm của đường thẳng nối liền đảo Thổ Chu (của Việt Nam) và đảo Poulo Wai (của Campuchia)…

Bị 10 nước phản đối (Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Úc, Nhật) đoạn từ *bán đảo Hòn Đôi* (Phú Yên) trở vào, vì nhiều chỗ cách xa đất liền trên 24 hải lý, có nơi xa đến 82 hải lý, một số đường thẳng dài hơn 60 hải lý.

Tại sao như vậy? Vì đường cơ sở của nước ta được vạch trước khi Công ước Luật Biển có hiệu lực và căn cứ nhu cầu an ninh, quốc phòng của Việt Nam vào thời điểm đó. Nhiều nước khác trong khu vực cũng làm như vậy để mở rộng các vùng biển quốc gia của họ. Việc làm của ta là khiêm tốn so với yêu sách *Đường lưỡi bò* của Trung Quốc chạy sát bờ biển nước ta và bao gòm gần hết Biển Đông, hoặc so với việc Trung Quốc ngày 15/5/1996 công bố sơ đồ đường cơ sở quần đảo Hoàng Sa (của Việt Nam mà họ chiếm đóng trái phép) bao gòm 28 điểm nối liền các điểm nhô ra xa nhất của các đảo, bải cạn, đảo đá rất nhỏ rải rác trên một vùng biển rất rộng với tỷ lệ 17.000km2 biển/10km2 đất. Hơn nữa, Hoàng Sa không phải là một quốc gia quần đảo theo định nghĩa của Công ước Luật Biển.

Để tỏ thiện chí, sau khi nước ta phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Luật biển, ngày 23/6/1994 Quốc hội đã có nghị quyết "*Giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ nghiên cứu để có những sữa đổi, bổ sung cần thiết đối với các quy định liên quan của pháp luật quốc tế cho phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, bảo đảm lợi ích của Việt Nam"*.

4. VÙNG TIẾP GIÁP.

Là vùng biển nằm ngoài lãnh hải và tiếp giáp với lãnh hải, bề rộng không quá 24 hải lý kể từ đường cơ sở, tức không quá 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài cùa lãnh hải.

Quốc gia ven biển có thẩm quyền cảnh sát như ngăn ngừa và trừng trị những vi phạm về hải quan, thuế khóa, y tế hay nhập cư. Ngoài ra, điều 303 Công ước Luật Biển quy định mọi sự trục vớt các *cổ vật có tính lịch sử và khảo cổ* từ đáy biển thuộc vùng tiếp giáp phải được phép của quốc gia ven biển. Lãnh hải và vùng tiếp giáp của Việt Nam nằm trên điểm giao tiếp của nhiều đường hàng hải quốc tế và khu vực, nơi đánh dấu nhiều vụ chìm tàu trong lịch sử, có khả năng chứa nhiều cổ vật quý. Thế nhưng luật pháp nước ta chưa có quy định về quyền của Việt Nam đối với các hiện vật lịch sử và khảo cổ phát hiện và trục vớt được trong vùng biển này.

5. VÙNG ĐẶC QUYỀN VỀ KINH TẾ.

Là vùng biển nằm phía ngoài sát lãnh hải, đặt dưới chế độ pháp lý riêng, quy định các quyền chủ quyền và quyền tài phán của của quốc gia ven biển, cũng như các quyền tự do của các quốc gia khác. Là một định chế pháp lý mới, lần đầu tiên được ghi nhận trong Công ước LHQ vế Luật biển năm 1982

Vùng đặc quyền về kinh tế có chiều rộng không quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở, tức là chiều rộng riêng của vùng đặc quyền về kinh tế là 188 hải lý.

Trong giới hạn 200 hải lý, vùng đặc quyền về kinh tế bao gọp cả *thềm lục địa*. Nước ven biển có:

a) Các quyền chủ quyền về thăm dò và khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên sinh vật (như hải sản) *và không sinh vật* (như dầu khí, quặng đa kim) *của vùng nước bên trên đáy biển, của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, về thăm dò và khai thác vùng này.*

b)Lắp đặt các đảo nhân tạo; nghiên cứu khoa học; bảo vệ môi trường.

Trong vùng đặc quyền về kinh tế, tất cả các quốc gia, có biển hay không có biển, được hưởng các quyền: *Tự do hàng hải và hàng không/Tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm/Tự do sử dụng biển vào những mục đích khác phù hợp những quy định của Công ước Luật Biển.*

Vùng đặc quyền về kinh tế của Việt Nam được quy dịnh trong Tuyên bố ngày 12/7/1977 của Chính phủ nước ta. Về cơ bản phù hợp với các quy định của Công ước Luật Biển năm 1982. Có diện tích khoảng 210.600 hải lý, gấp đôi diện tích lãnh thổ đất liền.

Tại những khu vực mà Vùng đặc quyền về kinh tế của Việt Nam *chồng lấn* với vùng đặc quyền về kinh tế của các nước khác, như Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Trung Quốc, thì nước ta và những nước có liên quan sẽ đàm phán để phân định theo một giải pháp mà các bên đều có thể chấp nhận.

6. THỀM LỤC ĐỊA.

Khái niệm *thềm lục địa* lần đầu tiên chính thức được nêu ra trong Tuyên bố của Tổng thống Mỹ Truman ngày 28/9/1945 và được pháp điển hóa bằng Công ước Genève năm 1958 về thềm lục địa.

Thềm lục địa (Continental shelf) là phần nền lục địa ngập dưới nước với độ dốc thoai thoải (dưới 1 độ) kéo dài đến độ sâu 200 mét. Ở một số nước, thềm lục địa không có, hoặc có nhưng hẹp hơn 200 km (như ven biển miền Trung Việt Nam). Một số nước có thềm lục địa rất rộng, đến khoảng 500 km như Brazil, Argentina, Úc.

Dốc lục địa (Continental slope) là phần nằm giữa thềm lục địa và bờ lục địa, có độ dốc thay đổi đột ngột, khoảng 4-5 độ, có khi tới 45 độ. Dốc thường đạt độ sâu từ 3.000 đến 4.000 mét.

Bờ lục địa (Continental rise) là vùng tiếp theo dốc lục địa khi độ dốc thoai thoải trở lại (có khi chỉ 0,5 độ) từ *chân dốc lục địa* cho đến khi gặp *đáy đại dương*, khoảng cách này thường kéo dài từ 50 đến 500 km. Vùng bờ lục địa này được tạo thành từ các lớp *trầm tích*rất dày, đôi khi hàng chục km.

Bên ngoài *rìa lục địa* là *đáy đại dương*, có độ sâu vượt 6.000 mét với các *dãy núi đại dương ngầm* và các *hố sâu* tới 11.000 mét.

Công ước của LHQ về Luật biển năm 1982 **định nghĩa Thềm lục địa** như sau:

Thềm lục địa của một quốc gia ven biển bao gòm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của quốc gia đó, trên phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của quốc gia đó cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, hoặc đến cách đường cơ sở 200 hải lý, khi bờ ngoài của rìa lục địa của quốc gia đó ở khoảng cách gần hơn.

Trong trường hợp bờ ngoài rìa lục địa của một quốc gia ven biển kéo dài tự nhiên vượt quá khoảng cách 200 hải lý, quốc gia này có thể xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa của mình tới một khoảng cách không vượt quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở, hoặc cách đường đẳng sâu 2500 mét một khoảng cách không quá 100 hải lý, với điều kiện tuân thủ các quy định của Công ước Luật Biển và phù hợp với các yêu cầu của *Ủy ban của LHQ về Ranh giới Thềm lục địa.*

Bề rộng của thềm lục địa: Tối thiểu là 200 hải lý, tối đa là 350 hải lý tính từ đường cơ sở, hoặc 100 hải lý cách đường đẳng sâu 2500 mét.

Nếu ấn định ranh giới ngoài của thềm lục địa vượt quá 200 hải lý thì phải đóng góp bằng tiền hoặc bằng hiện vật cho *Cơ quan quyền lực quốc tế Đáy đại dương* về việc khai thác tài nguyên không sinh vật của thềm lục địa nằm ngoài 200 hải lý, theo một tỷ lệ nhất định.

Về **chế độ pháp lý** của Thềm lục địa, Điều 77 của Công ước quy định:

- Quốc gia ven biển thực hiện các quyền thuộc chủ quyền đối với thềm lục địa về mặt thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của mình.

- Những quyền kể trên có tính chất đặc quyền, nghĩa là nếu quốc gia ven biển không thăm dò thềm lục địa hay không khai thác tài nguyên thiên nhiên của thềm lục địa, thì không ai có quyền tiến hành các hoạt động như vậy, nếu không có sự thỏa thuận của quốc gia đó.

- Các quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa không phụ thuộc vào sự chiếm hữu thật sự hay danh nghĩa, cũng như vào bất cứ tuyên bố rõ ràng nào.

Các tài nguyên thiên nhiên của thềm lục địa bao gòm: Các tài nguyên khoáng sản và không sinh vật khác của đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển như dầu khí, quặng đa kim (nodules), các sinh vật thuộc loại *định cư* (nghĩa là nằm bất động hoặc ít di chuyển ở đáy biển và lòng đất dưới đáy biển).

Thềm lục địa Việt Nam.

Tuyên bố ngày 12/5/1977 của Chính phủ về *lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam* nêu rõ: Thềm lục địa của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa Việt Nam mở rộng ra ngoài lãnh hải Việt Nam cho đến bờ ngoài của rìa lục địa; nơi nào bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở không đến 200 hải lý thì thềm lục địa nơi ấy mở rộng ra 200 hải lý tính từ đường cơ sở. (Ở miền Trung, thềm lục địa ra ngoài khoảng 50 km thì thụt sâu xuống hơn 1.000 mét). Tổng diện tích thềm lục địa của Việt Nam khoảng 700.000 km2, hơn gấp đôi diện tích đất liền (331.689 km2)

Biển Đông và Vịnh Thái Lan có nơi không rộng đến 400 hải lý.Vì vậy khi các nước đối diện hoặc tiếp liền nhau tuyên bố về chiều rộng thềm lục địa của mình, có thể hình thành những vùng tranh chấp, gọi là *Vùng chồng lấn*. Trên tinh thần nhất quán và thái độ thiện chí như nêu trên, Việt Nam đã và đang đàm phán với các nước để giải quyết mọi bất đồng và tranh chấp liên quan đến thềm lục địa:

- Năm 1992 nước ta và Malaysia thỏa thuận thành lập cơ chế khai thác chung vùng thềm lục địa chồng lấn giữa hai nước. Theo yêu cầu của LHQ, ngày 6/5/2009 Việt Nam và Malaysia gửi Báo cáo chung cho *Ủy ban của LHQ về Ranh giới thềm lục địa* những thông số về rìa ngoài thềm lục địa của mỗi nước. (Ngày hôm sau 7/5, Trung Quốc gửi Công hàm cho Tổng thư ký LHQ để phản đối báo cáo chung Việt Nam-Malaysia, đồng thời chính thức đưa ra yêu sách, được gọi nôm na "*Đường lưỡi bò"* chạy dọc sát bờ biển nước ta, bao gòm phần lớn Biển Đông).

- Năm 1997 nước ta và Thái Lan ký Hiệp định phân định ranh giới trên biển giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan.

- Năm 2000 nước ta và Trung quốc ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ.

- Năm 2003 nước ta và Indonesia ký Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa giữa hai nước.

Ngoài ra, nước ta còn đàm phán tay ba với Thái Lan và Malaysia về khai thác chung vùng thềm lục địa chồng lấn giữa ba nước, đàm phán với Campuchia để phân định ranh giới các vùng biển và thềm lục địa giữa hai nước.

Sau năm 1975, hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa nước ta tăng nhanh. Năm 1978 PetroVietNam ký 5 hợp đồng đầu tiên với một số công ty phương Tây. Năm 1981 thành lập Liên doanh dầu khí Việt-Xô Petro, năm 1986 bắt đầu khai thác mỏ Bạch Hổ. Từ khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới, năm 1988, nước ta ký hợp đồng 25 năm đầu tiên với Công ty Total của Pháp. Sau đó ký nhiều hợp đồng về thăm dò dầu khí, đặt cáp và ống ngầm với nhiều công ty nước ngoài.

II.- NHỮNG VÙNG BIỂN NẰM NGOÀI PHẠM VI CHỦ QUYỀN CỦA CÁC NƯỚC VEN BIỂN.

1. BIỂN CẢ.

Là biển nằm ngoài các vùng biển thuộc phạm vi chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của các nước ven biển.

Theo Điều 86 của Công ước Luật Biển, *Biển cả* là tất cả những vùng biển không nằm trong vùng đặc quyền về kinh tế, lãnh hải hay nội thủy của một quốc gia, cũng không nằm trong vùng nước quần đảo của một quốc gia quần đảo.

Chế độ pháp lý của biển cả quy định: Biển cả được để ngỏ cho tất cả các quốc gia, có biển hay không có biển. Tất cả các nước đều được 6 quyền tự do trên biển cả: Tự do hàng hải/ Tự do hàng không/ Tự do đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm/ Tự do xây dựng các đảo nhân tạo và các thiết bị khác được pháp luật cho phép/ Tự do đánh bắt hải sản/ Tự do nghiên cứu khoa học.

Khi thực hiện các quyền tự do biển cả phải tính đến lợi ích các quốc gia khác, cũng như các quyền liên quan đến các hoạt động trong **"Vùng"** là *Di sản chung của loài người* (tức là đáy biển cả và lòng đất dưới đáy biển cả).

Biển cả chỉ được sử dụng vào mục đích hòa bình.

Không một quốc gia nào có thể đòi đặt một bộ phận nào đó của biển cả thuộc vào chủ quyền của mình. Mọi quốc gia dù có biển hay không, đều có quyền cho các tàu thuyền treo cờ của mình đi trên biển cả. Mọi quốc gia cần đòi hỏi thuyền trưởng của tàu mang cờ nước mình giúp đỡ bất kỳ ai gặp nguy hiểm trên biển. Tất cả các quốc gia hợp tác với nhau để trấn áp cướp biển trên biển cả.

2. VÙNG ĐÁY ĐẠI DƯƠNG.

Đáy biển và lòng đất dưới đáy biển cả và nằm bên ngoài các vùng biển quốc gia được gọi là **"VÙNG" (Zone)** theo quy định của Công ước Luật biển năm 1982.

Vùng và tài nguyên trong Vùng, bao gồm các tài nguyên ở thể rắn, lỏng hoặc khí ở ngay tại chỗ (*in situ)*, kể cả các *khối đa kim* (nodules polymétalliques) nằm ở đáy đại dương và trong lòng đất dưới đáy, là **di sản chung của loài người** -một khái niệm được sử dụng lần đầu tiên-rộng 2.584.000 km2.

Chế độ pháp lý của Vùng và tài nguyên của nó:

- Không một quốc gia nào có thể đòi hỏi quyền chủ quyền ở một phần nào đó của Vùng, hoặc đối với tài nguyên của Vùng. Không một quốc gia nào, một tự nhiên nhân hay pháp nhân nào có thể chiếm đoạt bất cứ một phần nào đó của Vùng hoặc tài nguyên của Vùng.

- Tất cả các di vật khảo cổ và lịch sử tìm thấy trong Vùng, đều được bảo tồn hay nhượng lại, vì lợi ích của toàn thể loài người, đặc biệt quan tâm quyền ưu tiên của quốc gia hay nơi xuất xứ về văn hóa, lịch sử hay khảo cổ. (Điều 149)

- Việc thăm dò, khai thác tài nguyên của Vùng được tiến hành thông qua một tổ chức quốc tế, gọi là **Cơ quan quyền lực quốc tế**. Cơ quan này bảo đảm việc phân chia công bằng và không phân biệt đối xử, các lợi ích kinh tế, tài chính thu được do những hoạt động tiến hành trong Vùng.

Cơ quan quyền lực:

Tất cả các quốc gia thành viên là những thành viên đương nhiên (*Ipso facto)* của Cơ quan quyền lực. Được thành lập trên nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của tất cả các thành viên. Đặt trụ sở tại Jamaica (Trung Mỹ).

Các cơ quan trực thuộc Cơ quan quyền lực gồm có: Những cơ quan chính (Đại hội đồng, Hội đồng gồm 36 ủy viên, Ban thư ký do Tổng thư ký –viên chức cao nhất của Cơ quan quyền lực- đứng đầu), một **Xí nghiệp** để trực tiếp tiến hành các hoạt động trong Vùng.

Tổ chức khai thác:

Theo Điều 153 của Công ước, Xí nghiệp của Cơ quan quyền lực, doanh nghiệp của các quốc gia thành viên, tự nhiên nhân hay pháp nhân có quốc tịch của các quốc gia thành viên đều có quyền khai thác tại Vùng, dưới sự kiểm soát của Cơ quan quyền lực.

Việc thăm dò, khai thác đáy đại dương đòi hỏi trình độ khoa học-kỷ thuật rất cao. Đến nay chỉ một số ít nước đăng ký hoạt dộng trong Vùng. Đó là: Ấn Độ

(8/1987), Pháp, Nhật và Liên Xô (cũ) cùng đăng ký tháng 12/1987, Trung Quốc (3/1991), Tổ chức hỗn hợp Khoáng sản Đại dương quốc tế gồm Bulgaria, Cuba, CH Séc, Ba Lan và Nga đăng ký tháng 8/1991.

Trung Quốc là một trong những nước đi đầu về thăm dò và khai thác đáy đại dương. Tháng 5/2010, Trung Quốc là nước đầu tiên muốn được Cơ quan quyền lực giao quyền khai thác một vùng biển quốc tế có trầm tích lưu huỳnh. Cơ quan Nghiên cứu Khoáng sản Đại dương của Trung Quốc (COMRA) chuẩn bị ký hợp đồng với Cơ quan quyền lực quốc tế về vấn đề này. Mùa hè năm 2010 , tàu ngầm *Giao Long* đã lặn đến độ sâu 3.759 mét để cắm quốc kỳ Trung Quốc dưới đáy Biển Đông. Về lý thuyết, tàu ngầm của Trung Quốc có thể lặn đến độ sâu 7.000 mét, trong khi đó, tàu ngầm *Shinkai* của Nhật chỉ đạt độ sâu 6.500 mét.

Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 được ký kết, phê chuẩn và có hiệu lực thi hành, là kết quả của một quá trình hợp tác và đấu tranh kéo dài và gay go, giữa các loại nước trong việc xây dựng một bộ luật biển hiện đại, quy định quyền lợi và nghĩa vụ cân bằng giữa các nước, không phân biệt có biển hay không có biển (42 nước), đã phát triển hay đang phát triển, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội; là một thắng lợi quan trọng của các nước độc lập non trẻ, vừa thoát khỏi ách thống trị thực dân,chấm dứt tình trạng một số ít cường quốc hàng hải thao túng mọi hoạt động trên biển trong nhiều thế kỷ.

Công ước Luật Biển cũng là một thắng lợi lớn đối với Việt Nam, một nước có bờ biển dài và các vùng biển rộng, xác nhận và khẳng định chủ quyền và quyền của nước ta dối với các vùng biển, đảo và thềm lục địa; đó là cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc để nước ta sử dụng trong cuộc đấu tranh bảo vệ và làm thất bại mọi mưu đồ của bất cứ nước ngoài nào vi phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam trên biển, đảo.

Ngoài ra, theo quy định của Công ước Luật Biển về đáy đại dương, nước ta có quyền tham gia vào các hoạt động của Cơ quan quyền lực quốc tế, góp phần cùng các nước khác làm cho "Vùng" thật sự là Di sản chung của loài người, tức là mọi hoạt động trong Vùng đều phải vì mục đích hòa bình, vì lợi ích chung của cộng đồng các quốc gia dân tộc.

Nguồn: http://www.ubmttq.hochiminhcity.gov.vn